

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 6 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 06 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PhuThinh - NhaBe Garment Joint Stock Company, tên viết tắt là: NPS.

Trụ sở chính: Số 13A, Tổng Văn Trấn, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: NPS.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 18/06/2015)
Ông Nguyễn Văn Lợi	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 18/06/2015)
Ông Nguyễn Hùng Quý	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Trọng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi	Thành viên
Bà Vũ Kim Chi	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Giám đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 18/06/2015)
Ông Nguyễn Văn Lợi	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 18/06/2015)
Bà Nguyễn Thị Triệu	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2015)
Bà Tống Thị Thùy	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2015)
Ông Trần Công Viên	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2015)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2015 được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Thu Hương
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Số. 484/2015/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập ngày 14 tháng 08 năm 2015 của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") và trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo Kết quả công tác soát xét về Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1009-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

Nguyễn Thị Minh Anh
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1492-2013-075-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mẫu B 01a DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		12.639.264.425	9.713.842.655
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.086.873.273	1.673.587.155
1. Tiền	111		2.086.873.273	1.673.587.155
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.047.298.034	5.247.186.440
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.474.608.996	4.950.929.391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		163.204.423	32.762.248
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	409.484.615	263.494.801
IV- Hàng tồn kho	140		7.497.870.085	2.474.573.812
1. Hàng tồn kho	141	5.4	7.497.870.085	2.474.573.812
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		7.223.033	318.495.248
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	19.865.865
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	298.629.383
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		7.223.033	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		69.930.277.063	69.597.634.022
I Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	3.000.000	3.000.000
II Tài sản cố định	220		4.972.688.698	4.488.749.750
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	4.776.884.530	4.275.858.713
- Nguyên giá	222		16.130.121.589	15.341.083.895
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.353.237.059)	(11.065.225.182)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	195.804.168	212.891.037
- Nguyên giá	228		284.040.000	284.040.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(88.235.832)	(71.148.963)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		56.171.057.057	56.171.057.057
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	56.171.057.057	56.171.057.057
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	7.734.612.496	7.734.612.496
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.805.900.000	7.805.900.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(71.287.504)	(71.287.504)
VI Tài sản dài hạn khác	260		1.048.918.812	1.200.214.719
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.048.918.812	1.200.214.719
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		82.569.541.488	79.311.476.677

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mẫu B 01a- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		49.330.492.752	42.406.651.705
I- Nợ ngắn hạn	310		23.578.730.670	16.659.889.623
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.898.376.481	423.509.265
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.567.672.518	39.384.268
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	448.477.338	802.673.009
4. Phải trả người lao động	314		41.616.142	5.761.957.037
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		36.096.648	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	3.667.405.791	368.405.791
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	14.616.462.392	8.892.389.955
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		302.623.360	371.570.298
II- Nợ dài hạn	330		25.751.762.082	25.746.762.082
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	25.751.762.082	25.746.762.082
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		33.239.048.736	36.904.824.972
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	33.239.048.736	36.904.824.972
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.700.000.000	21.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.700.000.000	21.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.683.703.607	9.683.703.607
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		826.045.129	4.491.821.365
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		731.171.365	1.120.824.194
- LNST chưa phân phối kì này	421b		94.873.764	3.370.997.171
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		82.569.541.488	79.311.476.677

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÙ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mẫu B 02a -DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	15.762.849.515	25.005.285.541
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		15.762.849.515	25.005.285.541
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	13.713.697.428	19.556.112.359
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.049.152.087	5.449.173.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	461.018.268	472.905.094
7. Chi phí tài chính	22	5.19	441.845.569	300.807.483
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		295.466.332	199.659.848
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	431.321.218	1.022.776.657
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	1.646.643.548	2.823.143.630
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(9.639.980)	1.775.350.506
11. Thu nhập khác	31	5.22	361.186.087	258.237.640
12. Chi phí khác	32	5.22	256.672.343	84.385.646
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		104.513.744	173.851.994
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		94.873.764	1.949.202.500
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	-	412.698.206
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		94.873.764	1.536.504.294
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	44	708

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo



Nguyễn Thị Thu Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
		đến 30/06/2015	đến 30/06/2014
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	94.873.764	1.949.202.500
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	579.504.346	624.891.703
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	81.933.630
- Lỗ/lãi từ hoạt động đầu tư	5	(309.993.999)	(419.892.190)
- Chi phí lãi vay	6	295.466.332	199.659.848
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	659.850.443	2.435.795.491
- Giảm các khoản phải thu	9	2.491.294.756	884.050.325
- Tăng hàng tồn kho	10	(5.023.296.273)	(646.374.044)
- Giảm các khoản phải trả	11	(2.670.230.195)	(911.060.705)
- Giảm/tăng chi phí trả trước	12	171.161.772	(600.572.685)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(295.466.332)	(199.659.848)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(421.137.705)	(929.527.795)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(574.596.938)	(787.768.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.662.420.472)	(755.118.229)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(90.909.091)	(775.759.740)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	17.727.273	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	424.860.971	419.892.190
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	351.679.153	(355.867.550)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	16.225.438.954	11.795.742.192
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.501.366.517)	(9.199.804.219)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.000)	(3.257.325.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.724.027.437	(661.387.027)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	413.286.118	(1.772.372.806)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.673.587.155	3.883.807.378
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	47.398
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.086.873.273	2.111.481.970

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Giám đốc





Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần)

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 6 tháng 2 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 06 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty là 21.700.000.000 đồng.

Sở hữu vốn

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty May Nhà Bè Công ty Cổ phần	720.320	7.203.200.000	33,19%
Các cổ đông khác	1.449.680	14.496.800.000	66,81%
Tổng	2.170.000	21.700.000.000	100 %

Tên giao dịch của Công ty là PHUTHINH - NHABE GARMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: NPS

Tổng số nhân viên của Công ty tại 30/06/2015 là 350 người (Tại ngày 31/12/2014 là 429 người)

Trụ sở chính Công ty tại số 13A, Tổng Văn Trán, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất, mua bán hàng may mặc. Mua bán nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng ngành dệt may, ngành công nghiệp, ngành điện tử, ngành công nghệ thông tin, hàng kim khí điện máy. Giặt tẩy (không tẩy, nhuộm hồ in trên sản phẩm tại trụ sở). Thêu. In trên bao bì (không in tráng bao bì kim loại tại trụ sở). Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thủy nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là gia công hàng may mặc.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính) (chi tiết xem thuyết minh 6.3), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày 30/06/2015.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày 30/06/2015.
- (iii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

(iv) Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2014	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	21.380 VND/USD	21.380 VND/USD
30/06/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	21.780 VND/USD	21.840 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình là phần mềm Tuka Cad phục vụ cho ngành may. Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	6 tháng năm 2015
	Thời gian khấu hao
	(năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	07 - 15
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Thiết bị văn phòng	08
Phương tiện vận tải	03 - 04

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính Tuka Cad phục vụ ngành may được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 07 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của dự án xây dựng chung cư đã được Ủy Ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại 13A Tổng Văn Trấn, Phường 5, Quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư. Từ năm 2012, dự án đã tạm dừng triển khai do thiếu vốn đầu tư

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	335.834.079	316.995.045
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.751.039.194	1.356.592.110
Tổng	2.086.873.273	1.673.587.155

5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.474.608.996	4.950.929.391
Công Ty CP May Hữu Nghị	-	692.909.461
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Vinatex	-	14.798.160
Công ty CP May Gia Lai	262.623.870	-
Công ty TNHH Albeta International (Việt Nam)	-	379.867.103
Sa Lener Cordier	-	1.888.770
Tổng Công Ty May Nhà Bè - CTCP	2.070.883.397	2.180.696.802
Fresact Company., Ltd	-	1.514.004.664
Global City Industrial Ltd Hong Kong	141.101.729	-
Sa Lener Cordier	-	166.764.431
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Trong đó phải thu các bên liên quan		
Công ty CP May Gia Lai	262.623.870	-
Tổng Công Ty May Nhà Bè - CTCP	2.070.883.397	2.180.696.802
Tổng	2.474.608.996	4.950.929.391

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.3 PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	409.484.615	-	263.494.801	-
Tạm ứng	30.344.243	-	11.344.243	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	379.140.372	-	252.150.558	-
Dài hạn	3.000.000	-	3.000.000	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	3.000.000	-	3.000.000	-
Tổng	412.484.615	-	266.494.801	-

5.4 HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.138.145.947	-	83.688.526	-
Công cụ, dụng cụ	54.757.581	-	62.502.684	-
Chi phí SX KDDD	-	-	632.697.549	-
Thành phẩm	2.304.966.557	-	1.695.685.053	-
Tổng	7.497.870.085	-	2.474.573.812	-

5.5 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2015	5.848.907.651	7.821.932.684	1.258.679.160	411.564.400	15.341.083.895
Tăng trong kỳ	392.941.403	803.096.136	-	-	1.196.037.539
Mua trong kỳ	392.941.403	803.096.136	-	-	1.196.037.539
Giảm trong kỳ	-	406.999.845	-	-	406.999.845
Thanh lý, nhượng bán	-	406.999.845	-	-	406.999.845
Số dư tại 30/06/2015	6.241.849.054	8.218.028.975	1.258.679.160	411.564.400	16.130.121.589
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2015	5.187.512.480	4.978.586.186	506.866.739	392.259.777	11.065.225.182
Tăng trong kỳ	169.143.412	326.234.099	50.792.778	16.247.188	562.417.477
Khấu hao trong kỳ	169.143.412	326.234.099	50.792.778	16.247.188	562.417.477
Giảm trong kỳ	-	274.405.600	-	-	274.405.600
Thanh lý, nhượng bán	-	274.405.600	-	-	274.405.600
Số dư tại 30/06/2015	5.356.655.892	5.030.414.685	557.659.517	408.506.965	11.353.237.059
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2015	661.395.171	2.843.346.498	751.812.421	19.304.623	4.275.858.713
Tại 30/06/2015	885.193.162	3.187.614.290	701.019.643	3.057.435	4.776.884.530

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại 30/06/2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.111.683.510 VND (tại 31/12/2014: 3.175.168.355 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại 30/06/2015 đã đem đi cầm cố thế chấp vay: 2.920.421.223 VND (tại ngày 31/12/2014: 2.920.421.223 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.6 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm TukaCAD phục vụ ngành may	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	284.040.000	284.040.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2015	284.040.000	284.040.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	71.148.963	71.148.963
Tăng trong kỳ	17.086.869	17.086.869
Khấu hao trong kỳ	17.086.869	17.086.869
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2015	88.235.832	88.235.832
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	212.891.037	212.891.037
Tại 30/06/2015	195.804.168	195.804.168

5.7 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Dự án xây dựng chung cư cao tầng Đầm Sen	56.171.057.057	56.171.057.057
Tổng	56.171.057.057	56.171.057.057

Dự án xây dựng chung cư đã được Ủy Ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại 13A Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư. Từ năm 2012, dự án đã tạm dừng triển khai do thiếu vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Các khoản đầu tư dài hạn khác	7.805.900.000	7.734.612.496	71.287.504	7.805.900.000	7.734.612.496	71.287.504
Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè	5.700.000.000	5.628.712.496	71.287.504	5.700.000.000	5.628.712.496	71.287.504
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng	1.605.900.000	1.605.900.000	-	1.605.900.000	1.605.900.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch La Gi	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
Tổng	7.805.900.000	7.734.612.496	71.287.504	7.805.900.000	7.734.612.496	71.287.504

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	Khu phố 3, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM	11,40%	11,40%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản
Công ty CP Dệt Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. HCM	0,76%	0,76%	Sản xuất mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc
Công ty CP Du lịch Lagi	Thôn Mũi Đá, Xã Tân Phước, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận	4,17%	4,17%	Đại lý du lịch, kinh doanh nhà hàng ăn uống

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	-	19.865.865
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	19.865.865
b) Dài hạn	1.048.918.812	1.200.214.719
Máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.048.918.812	1.200.214.719
Tổng	1.048.918.812	1.220.080.584

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	2.898.376.481	2.898.376.481	423.509.265	423.509.265
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	114.556.200	114.556.200	-	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	740.275.725	740.275.725	-	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	332.235.543	332.235.543	-	-
Công ty TNHH Đầu Tư Phát triển SX - TM Dịch vụ Gia Phát	185.384.034	185.384.034	-	-
Kufner Hong Kong Limited	558.073.152	558.073.152	-	-
Tổng Công Ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	197.636.474	197.636.474	25.618.005	25.618.005
Zhejiang Weixing IMP & EXP Co., Ltd	115.729.068	115.729.068	-	-
Công ty TNHH TM DV Thời Trang Hà Trung	158.355.670	158.355.670	-	-
Các đối tượng khác	496.130.615	496.130.615	397.891.260	397.891.260
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	2.898.376.481	2.898.376.481	423.509.265	423.509.265
Trong đó:				
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d. Số dư phải trả các bên liên quan	1.421.503.342	1.421.503.342	102.616.619	102.616.619
Tổng Công Ty May Nhà Bè - CTCP	197.636.474	197.636.474	25.618.005	25.618.005
Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Dịch Vụ - TM Nhà Bè	8.936.400	8.936.400	-	-
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	114.556.200	114.556.200	35.761.000	35.761.000
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	740.275.725	740.275.725	-	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	332.235.543	332.235.543	-	-
Công ty CP TM Nhà Bè	-	-	-	-
Công ty CP May Gia Lai	27.863.000	27.863.000	41.237.614	41.237.614

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2015
Phải nộp	388.758.337	1.125.934.329	1.066.215.328	448.477.338
Thuế giá trị gia tăng	-	1.041.229.059	948.314.628	92.914.431
Thuế XNK	-	78.099.648	78.099.648	-
Thuế thu nhập cá nhân	388.758.337	3.605.622	36.801.052	355.562.907
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	(413.914.672)	-	421.137.705	7.223.033
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(413.914.672)	-	421.137.705	7.223.033
Tổng	802.673.009	1.125.934.329	1.487.353.033	441.254.305

5.12 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Các khoản phải trả		
Kinh phí công đoàn	168.050.000	124.005.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.494.355.791	239.400.791
- Trong đó có tức phải trả là	3.446.021.000	191.066.000
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Tổng	3.667.405.791	368.405.791

5.13 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	14.616.462.392	14.616.462.392	16.225.438.954	10.501.366.517	8.892.389.955	8.892.389.955
Tổng	14.616.462.392	14.616.462.392	16.225.438.954	10.501.366.517	8.892.389.955	8.892.389.955

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 187/KH/14NH ngày 08 tháng 09 năm 2014.

Hạn mức cấp tín dụng: 15.000.000.000 VND;

Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;

Thời gian vay: 12 tháng;

Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu, Bảo lãnh và phát hành thư tín dụng, thực hiện bao thanh toán theo quy định.

Biện pháp đảm bảo: Khoản vay được bảo lãnh bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 0217/NHNT ngày 08/09/2014 bao gồm máy móc thiết bị quyền sở hữu của Công ty CP May Phú Thịnh Nhà Bè, tổng giá trị tài sản là 3.220.054.701 đồng và chứng thư bảo lãnh số 145/NBC của Công Ty Cổ phần May Nhà Bè.

5.14 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền hỗ trợ không tính lãi suất của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nhà Bè cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè để tiến hành các thủ tục đầu tư, xây dựng Dự án Cao ốc thương mại và Căn hộ tại Khu đất số 13A, Tổng Văn Trân, phường 05, Quận 11 theo thỏa thuận giữa hai bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	21.700.000.000	1.029.300.000	7.048.972.837	2.922.678.010	4.868.739.192	37.569.690.039
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.370.997.173	3.370.997.173
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	3.370.997.171	3.370.997.171
Tăng khác	-	-	-	-	2	2
Giảm trong năm	-	-	-	287.947.240	3.747.915.000	3.747.915.000
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	3.255.000.000	3.255.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	492.915.000	492.915.000
Chi phạt thuế	-	-	-	287.947.240	-	-
Số dư tại 31/12/2014	21.700.000.000	1.029.300.000	7.048.972.837	2.634.730.770	4.491.821.365	36.904.824.972
Số dư tại 01/01/2015	21.700.000.000	1.029.300.000	9.683.703.607	-	4.491.821.365	36.904.824.972
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	94.873.764	94.873.764
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	94.873.764	94.873.764
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	3.760.650.000	3.760.650.000
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	3.255.000.000	3.255.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	505.650.000	505.650.000
Số dư tại 30/6/2015	21.700.000.000	1.029.300.000	9.683.703.607	-	826.045.129	33.239.048.736

Công ty trích lập quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 25 tháng 04 năm 2015.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	7.203.200.000	7.203.200.000
Vốn góp của đối tượng khác	14.496.800.000	14.496.800.000
Tổng	21.700.000.000	21.700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	21.700.000.000	21.700.000.000
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	21.700.000.000	21.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	2.170.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.170.000	2.170.000
Cổ phiếu phổ thông	2.170.000	2.170.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.170.000	2.170.000
Cổ phiếu phổ thông	2.170.000	2.170.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / Cổ phiếu

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.683.703.607	9.683.703.607
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Tổng	9.683.703.607	9.683.703.607

5.16 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu gia công nội địa	9.174.992.084	5.155.256.339
Doanh thu gia công xuất khẩu	4.972.228.551	13.708.235.804
Doanh thu làm hàng nội địa	6.845.523	65.540.909
Doanh thu làm hàng xuất khẩu	1.466.912.190	526.717.038
Doanh thu đưa ngoài gia công	141.871.167	5.549.535.451
Tổng	15.762.849.515	25.005.285.541
<i>Trong đó doanh thu của các bên liên quan</i>		
Tổng công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	4.717.919.887	376.888.709
Công ty Cổ phần May Gia Lai	1.813.885.939	-
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè	280.299.480	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Nhà Bè	70.810.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Giá vốn gia công nội địa	7.713.491.645	3.856.970.608
Giá vốn gia công xuất khẩu	4.075.168.492	10.291.004.055
Giá vốn làm hàng nội địa	34.859.635	77.623.624
Giá vốn làm hàng xuất khẩu	1.788.373.220	622.587.253
Giá vốn đưa ngoài gia công	101.804.436	4.707.926.819
Tổng	13.713.697.428	19.556.112.359

5.18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.485.971	2.517.190
Cổ tức, lợi nhuận được chia	417.375.000	417.375.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.178.464	53.012.904
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.978.833	-
Tổng	461.018.268	472.905.094

5.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lãi tiền vay	295.466.332	199.659.848
Lỗ chênh lệch tỷ giá	146.379.237	101.147.635
Tổng	441.845.569	300.807.483

5.20 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	318.920.682	473.061.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.400.536	549.715.097
Tổng	431.321.218	1.022.776.657

5.21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.165.612.170	2.186.775.638
Chi phí vật liệu quản lý	4.159.000	61.219.758
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.948.301	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	67.039.966	78.701.753
Thuế phí và lệ phí	10.312.000	12.373.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.271.426	193.751.862
Chi phí bằng tiền khác	160.300.685	290.321.619
Tổng	1.646.643.548	2.823.143.630

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.22 LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu nhập từ bán phế liệu	81.032.045	23.669.406
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	27.272.730	27.272.730
Thu hồi tiền đào tạo công nhân nghỉ việc	51.048.830	62.252.212
Thu lại tiền chi phí xuất nhập khẩu	194.340.378	37.374.242
Các khoản khác	7.492.104	107.669.050
Tổng	361.186.087	258.237.640
<i>Chi phí khác</i>		
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	114.866.972	-
Chi tiền chi phí xuất nhập khẩu	77.732.299	-
Các khoản khác	64.073.072	84.385.646
Tổng	256.672.343	84.385.646
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	104.513.744	173.851.994

5.23 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	94.873.764	1.949.202.500
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	264.268.162	344.073.438
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không trực tiếp điều hành</i>	174.000.000	167.208.000
<i>Chi phí không đầy đủ hóa đơn chứng từ</i>	90.268.162	176.865.438
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	417.375.000	417.375.000
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	417.375.000	417.375.000
Thu nhập chịu thuế	(58.233.074)	1.875.900.938
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	412.698.206
Thuế TNDN hiện hành	-	412.698.206

5.24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh	94.873.764	1.536.504.294
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	94.873.764	1.536.504.294
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.170.000	2.170.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	44	708

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

5.25 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.095.520.344	1.810.155.993
Chi phí nhân công	11.173.739.306	14.028.164.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	579.504.346	624.891.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.440.565.849	6.874.673.268
Chi phí khác bằng tiền	378.191.750	1.394.372.259
Tổng	<u>14.667.521.595</u>	<u>24.732.257.661</u>

5.26 CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TRONG TƯƠNG LAI

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
	VND	VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	830.722.848	339.919.360

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 a - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u> VND	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	Lương, thưởng và thù lao	537.161.766	572.806.065

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u> VND	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</u> VND
<u>Giao dịch mua</u>				
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	Thành viên góp vốn	Mua máy móc thiết bị	145.090.876	-
		Thuê máy móc thiết bị	6.010.000	26.366.000
		Mua áo sơ mi	3.818.190	-
		Phí xuất nhập khẩu	5.279.550	-
Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Dịch Vụ - TM Nhà Bè	Cung hệ thống	Mua nguyên vật liệu, bao bì	-	21.090.909
		Phí logistic	17.552.048	-
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	Cung hệ thống	Phí vận chuyển	8.124.000	-
Công ty CP Truyền Thông NBC	Cung hệ thống	Mua bảo hộ lao động	104.142.000	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Cung hệ thống	Phí duy trì cập nhật thông tin website	10.000.000	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Cung hệ thống	Mua máy móc thiết bị	859.966.750	-
		Phí sửa chữa cải tạo kho thành phẩm	392.941.403	-

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.086.873.273	1.673.587.155
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.887.093.611	5.217.424.192
Đầu tư tài chính dài hạn	7.734.612.496	7.734.612.496
Tổng	12.708.579.380	14.625.623.843
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	14.616.462.392	8.892.389.955
Phải trả người bán và phải trả khác	32.317.544.354	26.538.677.138
Chi phí phải trả	36.096.648	-
Tổng	46.970.103.394	35.431.067.093

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	4.630.479.813	8.931.774.225	526.747.103	2.786.027.212
Euro (EUR)	-	-	6.776.075	7.384.618
Tổng	4.630.479.813	8.931.774.225	533.523.178	2.793.411.830

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/6/2015			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	6.565.782.272	25.751.762.082	32.317.544.354
Chi phí phải trả	36.096.648	-	36.096.648
Các khoản vay	14.616.462.392	-	14.616.462.392
Tổng	21.218.341.312	25.751.762.082	46.970.103.394
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	791.915.056	25.746.762.082	26.538.677.138
Các khoản vay	8.892.389.955	-	8.892.389.955
Tổng	9.684.305.011	25.746.762.082	35.431.067.093

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.086.873.273	-	2.086.873.273
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.884.093.611	3.000.000	2.887.093.611
Đầu tư tài chính khác	-	7.734.612.496	7.734.612.496
Tổng	4.970.966.884	7.737.612.496	12.708.579.380
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.673.587.155	-	1.673.587.155
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.214.424.192	3.000.000	5.217.424.192
Đầu tư tài chính khác	-	7.734.612.496	7.734.612.496
Tổng	6.888.011.347	7.737.612.496	14.625.623.843

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09 a - DN

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 đã được soát xét.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính tại 31/12/2014 như sau:

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2015 Theo Thông tư 200 VND	Tại 01/01/2015 Theo quyết định 15 VND
Bảng cân đối kế toán		
TÀI SẢN		
Phải thu ngắn hạn khác	263.494.801	252.150.558
Tài sản ngắn hạn khác	-	11.344.243
Phải thu dài hạn khác	3.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	3.000.000
Tổng phân loại tài sản	266.494.801	266.494.801
NGUỒN VỐN		
Quỹ đầu tư phát triển	9.683.703.607	7.048.972.837
Quỹ dự phòng tài chính	-	2.634.730.770
Tổng phân loại nguồn vốn	9.683.703.607	9.683.703.607

Người lập biểu



Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hương

